

Bản án số: 17/2024/HS-ST

Ngày: 06 - 5 -2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thiết Hùng

2. Ông Lê Quốc Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Xuân Tùng– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tiến Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2024/TLST-HS, ngày 19/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST- HS, ngày 01/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/HSST-QĐ ngày 15/4/2024 đối với các bị cáo:

Vũ Thanh B, sinh ngày 06/4/1996 tại huyện T, TP Hà Nội; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Xóm H, thôn Đ, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện tại: Thôn N, xã T, huyện Ú, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Thanh T, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 18/5/2023, B bị Công an huyện T, Thành Phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành vi hành vi *Cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân*. Hình thức phạt tiền, mức phạt 7.500.000 đồng. Ngày 21/9/2023, B đã thi hành quyết định trên.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 29/6/2023 đến ngày 14/8/2023 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. *Có mặt.*

Vũ Thị Thanh H1, sinh ngày 05/5/1990 tại huyện T, TP Hà Nội; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn V, xã S, huyện Ú, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số nhà B, Ngõ G, đường L, thị trấn V, huyện Ú, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Thanh T, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Có chồng là Đỗ Tiến S, sinh năm 1992 và có 01 con sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 29/6/2023 đến ngày 14/8/2023 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. *Có mặt.*

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Cù Đức D, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu A, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

+ *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Hải Đ, sinh năm 2001

Địa chỉ: Khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

2. Chị Phạm Thị H2, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu đô thị T, phường K, quận H, Thành Phố Hà Nội

3. Chị Phạm Thị Huyền T1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường K, quận H, Thành Phố Hà Nội

4. Anh Dương Văn H3, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu E, xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ

5. Anh Phương Quốc V, sinh năm 1988

Địa chỉ: Xã T, huyện B, Thành Phố Hà Nội

6. Anh Nguyễn Anh T2, sinh năm 1986

Địa chỉ: Phường N, quận Đ, Thành Phố Hà Nội

7. Anh Nguyễn Đăng L, sinh năm 1987

Địa chỉ: Xã T, huyện T, Thành Phố Hà Nội

8. Anh Lê Văn H4, sinh năm 1993

Địa chỉ: xã C, huyện T, Thành Phố Hà Nội

9. Chị Trần Thị Huyền L1, sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu đô thị D, phường Y, quận H, Thành phố Hà Nội

10. Chị Lê Phương T3, sinh năm 1994

Địa chỉ: Phường Định Trung, thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

11. Anh Sầm Vũ N, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tiểu khu E, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La

12. Chị Phan Thị H5, sinh năm 1999

Địa chỉ: Xóm H, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/3/2023, Công an huyện H kiểm tra hành chính tại 02 Công ty đóng trên địa bàn huyện H, gồm: Công ty TNHH Đ1, trụ sở tại: Khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ do Nguyễn Hải Đ, sinh năm 2001, trú tại khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ là giám đốc (Công ty Đ1) và Công ty TNHH Đ1, trụ sở tại: Khu A, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ do Cù Đức D, sinh năm 1987, trú tại khu A, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ là giám đốc (Công ty Đ2). Quá trình kiểm tra phát hiện tại Công ty Đ1 có 04 hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) ghi nội dung mua hàng gồm: Bàn ghế sofa, Máy in laser, Máy tính để bàn và dịch vụ ăn uống của 03 Công ty khác nhau trên địa bàn Hà Nội. Đồng thời tại Công ty Đ2 phát

hiện có 06 hóa đơn GTGT ghi nội dung mua hàng gồm: Bàn ghế sofa văn phòng, L2 và dịch vụ ăn uống của bốn công ty khác nhau trên địa bàn Hà Nội. Kiểm tra thực tế tại hai công ty không có sổ hàng hóa trên.

Tại thời điểm kiểm tra anh D và anh Đ khai số hóa đơn GTGT trên được các anh mua không về kê khai thuế đối với công ty. Công an huyện H tiến hành lập biên bản và tạm giữ toàn bộ hóa đơn trên và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh gắn sim số 0865815028 của D. Công an huyện H đã chuyển hồ sơ vụ việc sang CQĐT – Công an huyện H để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan CSĐT, Đ và D khai nhận: Do công ty mới thành lập, với mục đích nhanh chóng thu được nhiều lợi nhuận, Đ và D nảy sinh ý định mua hóa đơn GTGT, kê khai tăng chi phí đầu vào, giảm số tiền thuế phải nộp ngân sách. Theo đó, vào tháng 1/2023 qua giới thiệu của Dương Văn H3 (*Sinh năm 1989, trú tại khu E, xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ*), Đ và D đã liên hệ với Vũ Thị Thanh H1, (*sinh năm 1990, trú tại thị trấn V, huyện Ú, Thành Phố Hà Nội*), trước đó H3 đã mua 02 hóa đơn của H1. Sau khi trao đổi, thỏa thuận, Đ đã mua 4 hóa đơn điện tử với giá là 3.710.000 đồng; D đã mua 6 hóa đơn điện tử với giá 8.260.000 đồng.

Trên cơ sở lời khai của Đ, D và H3, CQĐT đã triệu tập H1, H1 thừa nhận đã bán hóa đơn cho Đ, D và H3 như Đ, D và H3 đã khai. Đồng thời, H1 cũng khai nhận nguồn gốc số hóa đơn đã bán cho Đ, D và H3 nêu trên được xuất bởi các công ty do em trai của H1 là Vũ Thanh B (*sinh năm 1996, trú tại thôn Đ, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội*) thành lập. Cơ quan CSĐT đã triệu tập B đến làm việc, B khai nhận toàn bộ hành vi bán hoá đơn của mình.

Ngày 14/3/2023, Cơ quan CSĐT thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Thị Thanh H1 và Vũ Thanh B, thu giữ của H1: 01 điện thoại di động Iphone 13 promax màu xanh rêu đã cũ, hiện trạng máy bị đăng xuất tài khoản icloud không xác định được seri máy, có gắn sim số 0972.442.766; 01 căn cước công dân mang tên Vũ Thị Thanh H1, 01 thẻ ngân hàng T5 số thẻ 4221498661755448 mang tên Vũ Thị Thanh H1; 01 thẻ sim chưa rõ số sim có seri sim 8984048000057822579; Thu giữ của B 01 thùng bìa catton chứa một số hoá đơn, chứng từ.

Ngày 27/6/2023, CQĐT đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Vũ Thanh B và Vũ Thị Thanh H1 để điều tra hành vi phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự. Ngày 29/6/2023, Cơ quan CSĐT thi hành bắt bị can để tạm giam và Lệnh khám xét nơi ở của H1 và B, thu giữ của B 01 điện thoại Iphone 13 Promax màu ghi, gắn 01 sim có số seri 8984048000919153980. Không thu giữ của H1 đồ vật, tài liệu gì.

Quá trình điều tra làm rõ nội dung vụ án như sau: Năm 2014, B học xong phổ thông và làm nghề dịch vụ internet tại nơi ở của mình. Đầu năm 2022, qua phương tiện thông tin đại chúng, B biết được Nhà nước có chính sách cho phép đăng ký thành lập doanh nghiệp qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đồng thời, có thể chuyển đổi sử dụng hóa đơn giấy sang hóa đơn điện tử. Thấy đây là cơ hội làm ăn nên B đã nảy sinh ý định thành lập Công ty “ma” để bán hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) từ các công ty này nhằm kiếm lời.

Để thực hiện được ý đồ trên, B lên mạng xã hội tìm kiếm dịch vụ môi giới thành lập công ty. Sau đó, B đã liên hệ được với hai người chuyên về dịch vụ thành lập công ty gồm: Phạm Thị H2 (*sinh năm 1990, trú tại khu đô thị T, phường K, quận H, Thành Phố Hà Nội*) và Phạm Thị Huyền T1 (*sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố A, phường K, Thành Phố Hà Nội*). Khi thấy B liên hệ và đặt vấn đề thuê thành lập các công ty, T1 và H2 đồng ý. Sau đó H2, T1 thống nhất chi phí cho việc thành lập mỗi công ty là 3.810.000 đồng, B đồng ý. Sau khi thỏa thuận với B, T1 đã lập nhóm Z có tên là “Thành lập ĐKKD”. Đồng thời, T1 đưa H2 và B vào nhóm này để trao đổi, thống nhất cách thức thực hiện việc thành lập công ty cho B. Sau khi vào nhóm zalo, B đã dùng thông tin cá nhân của nhiều người làm người đại diện theo pháp luật để thành lập công ty gửi lên nhóm các nội dung: Tên Công ty, địa chỉ, ngành nghề, vốn và Căn cước công dân của người sẽ là đại diện theo pháp luật. Đồng thời, B cũng đăng hộp thư điện tử Gmail của B là Thanhbinh641996@gmail.com lên nhóm để giao dịch.

Lợi dụng sự quen biết, B mượn Căn cước công dân của một số người thân, sao chụp gửi cho H2, nhận được thông tin do B đưa lên, H2 tải mẫu hồ sơ thành lập công ty đăng trên cổng thông tin điện tử của Bộ K và đầu tư. Sau đó, H2 sử dụng Gmail: Huongluat2021@gmail.com gửi qua địa chỉ gmail của B. Nhận được bộ mẫu do H2 gửi, B in ra thành bản cứng, rồi Bình điền các nội dung vào các biểu mẫu, tự ký giả người có tên trong Căn cước công dân ở mục người đại diện theo pháp luật thành lập công ty. Đồng thời, B xác lập văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật công ty cho H2 để H2 đăng ký thành lập công ty với cơ quan chức năng.

Sau khi hoàn tất thủ tục như trên, B gửi hồ sơ (bản cứng) cho H2 bằng hình thức chuyển phát nhanh hoặc là dịch vụ Grap cho H2, T1. Đồng thời, B đã sử dụng 2 tài khoản ngân hàng của B lần lượt là Ngân Hàng S3 số tài khoản 0964763421, Ngân hàng V2 số 105001934666 để chuyển tiền cho T1.

Sau khi nhận được hồ sơ và tiền, Hương S1 và gửi chuyển lên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Sau đó, H2 nhận được giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép kinh doanh) qua đường bưu điện. Sau khi nhận được các giấy phép kinh doanh, H2 đi khắc dấu công ty và chuyển lại cho T1 để làm thủ tục đăng ký chữ ký số và phần mềm hóa đơn của các công ty. Sau đó, giấy phép kinh doanh, con dấu, chữ ký số và phần mềm viết hóa đơn điện tử được T1 chuyển lại cho B.

Quá trình điều tra đã xác định, B đã mạo danh 04 người đứng tên thành lập và sở hữu 8 công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 (TNHH). Cụ thể:

- 1) Công ty TNHH Đ1 (Công ty Đ1). Mã số thuế (MST) là 0110071596. Đăng ký lần đầu ngày 26/7/2022. Địa chỉ tại số nhà B, đường X, thôn N, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là Phương Quốc V (*sinh năm 1988, cư trú tại xã T, huyện B, Thành Phố Hà Nội*);
- 2) Công ty TNHH Đ1 (công ty A). MST là 0110195954. Đăng ký lần đầu ngày 30/11/2022. Địa chỉ tại số I đường H, Phường L, quận B. Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Anh T2 (*sinh năm 1986, cư trú tại phường N, quận Đ, Thành Phố Hà Nội*);
- 3) Công ty TNHH Đ1 (công ty M1); MST là 0110198514. Đăng ký lần đầu ngày 02/12/2022. Địa chỉ tại số G đường T, phường T, quận T, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Đăng L (*sinh năm 1987, cư trú tại xã T, huyện T, Thành Phố Hà Nội*);

4) Công ty TNHH Đ1 (Công ty T6). MST: 0110199074. Đăng ký ngày lần đầu ngày 02/12/2022. Địa chỉ: Số nhà B phố N, phường K, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Anh T2.

5) Công ty TNHH Đ1 nhà hàng Á (Công ty L4). MST: 0110202457. Đăng ký lần đầu ngày 07/12/2022. Địa chỉ: Số nhà, 59 TT2, ngõ E, B, phường T, quận L, Thành Phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Anh T2.

6) Công ty TNHH Đ1 (Công ty Đ1). MST: 0110203891. Đăng ký lần đầu ngày 08/12/2022. Địa chỉ: Số A, ngõ A phố N, phường K, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Đăng L.

7) Công ty TNHH Đ1, nhà hàng và khách sạn H7 (Công ty H8). MST: 0110205627. Đăng ký lần đầu ngày 12/12/2022. Địa chỉ: Số A, ngõ C phố Đ, phường Đ, quận H, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là Lê Văn H4 (*sinh năm 1993, cư trú tại xã C, huyện T, Thành Phố Hà Nội*).

8) Công ty TNHH Đ1 (Công ty Đ1). MST 0110206067. Đăng ký lần đầu ngày 12/12/2022. Địa chỉ: Số A đường A, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Anh T2.

Sau khi thành lập được các công ty như trên, B lên mạng xã hội để tìm người mua hoá đơn bằng cách sử dụng tài khoản Facebook “Vũ Thanh B” để truy cập vào các bài viết được đăng trên các trang, hội nhóm mua bán hóa đơn. Khi thấy người có nhu cầu mua hóa đơn GTGT, B liền trả lời những bài viết này với nội dung: có hóa đơn GTGT bán và để lại tài khoản Zalo mang tên Vũ Thanh B cùng số điện thoại 0964763421 để khách liên hệ. Sau khi đăng các thông tin trên lên mạng thì có nhiều người đã liên lạc với B. Khi có khách hàng đặt mua hóa đơn, B yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin người mua hàng cần ghi trên hóa đơn GTGT bao gồm: Tên, mã số thuế, địa chỉ; loại hàng hóa; số tiền hàng ghi trên hóa đơn. Đồng thời, B ấn định mức chi phí khách hàng cần phải trả cho B. Nếu khách đồng ý thì hai bên thống nhất cách thức thanh toán chi phí bằng chuyển khoản ngân hàng hoặc tiền mặt. Sau khi thống nhất cách thức mua bán xong, B sử dụng máy tính cá nhân rồi đăng nhập vào phần mềm viết hóa đơn mà T1 gửi cho B trước đó. Khi mẫu hóa đơn hiển thị, Bình điền đầy đủ những thông tin trên tờ hóa đơn điện tử như khách hàng yêu cầu. Sau đó, B sử dụng chữ ký số đã được cấp của người đại diện theo pháp luật của các công ty rồi áp vào hóa đơn. Sau khi hoàn thành, B chuyển hóa đơn cho người mua qua ứng dụng Zalo hoặc tài khoản Email “Thanhbinh641996@gmail.com” Khi nhận được hóa đơn do B chuyển, người mua chuyển lại chi phí cho B như đã thỏa thuận.

Thấy B thành lập nhiều công ty để bán hóa đơn thì đầu tháng 11 năm 2022, Vũ Thị Thanh H1 gặp B và đề nghị B cho H1 tham gia bán hóa đơn. Biết chị gái không có việc làm, thu nhập nên B đồng ý. Từ đó, ngoài trực tiếp bán, B còn xuất hóa đơn để H1 bán. H1 rao bán hoá đơn trên mạng, khi có người hỏi mua, H1 yêu cầu cung cấp nội dung ghi hoá đơn, rồi gửi cho B, B viết hoá đơn theo nội dung H1 gửi rồi xuất hoá đơn cho H1 bán. Tiền bán được hoá đơn, B thỏa thuận cho H1 sử dụng hết.

Bằng phương thức như trên, từ tháng 7/2022 đến tháng 3/2023, B và H1 đã bán tổng số 36 hóa đơn GTGT, trong đó có 01 hóa đơn GTGT là do B mua trên mạng để bán và 01 hoá đơn H1 mua trên mạng để bán. B đã trực tiếp bán 16 hoá đơn (15 hoá đơn của B xuất và 01 hoá đơn mua trên mạng) và xuất cho H1 bán 19 hoá đơn GTGT thu 17.688.000 triệu đồng; H1 đã bán 20 hóa đơn (19 hoá đơn từ B xuất ra và 01 hoá đơn H1 mua trên mạng) GTGT thu 16.385.000 đồng, cụ thể:

- Với danh nghĩa 4 công ty là AS, Anh T2, An Thành V1 và mua 1 hóa đơn trên mạng xã hội được xuất bởi công ty Đ1, B đã bán cho Trần Thị Huyền L1 (sinh năm 1992, trú tại khu đô thị D, phường Y, quận H, Hà Nội) 8 hóa đơn GTGT, B thu 3.661.000 đồng.

- Với danh nghĩa công ty Đ1, Bình bán cho Lê Phương T3 (sinh năm 1994, trú tại phường Đ, thành phố V, Vĩnh Phúc) 5 hóa đơn GTGT. B thu 7.067.000 đồng.

- Với danh nghĩa công ty A, B đã bán cho Sầm Vũ N, (sinh năm 1979, trú tại tiểu khu E, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La) 3 hóa đơn GTGT, thu được 7.000.000 đồng.

- Với danh nghĩa 8 công ty là: AS, Anh T2, An Thành V1, M, T, Lá C, H và Hương S2, B đã xuất cho H1 19 hóa đơn GTGT. Đồng thời, H1 còn mua 1 hóa đơn khác trên mạng được xuất bởi công ty Đ1 để bán, cụ thể:

- Cù Đức D (sinh năm 1987, trú tại khu A, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ) 6 hóa đơn GTGT, H1 thu 8.260.000 đồng

- Nguyễn Hải Đ (sinh năm 2001, trú tại khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ) 4 hóa đơn GTGT, H1 thu 3.710.000 đồng

- Phan Thị H5 (sinh năm 1999, trú tại xóm H, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An) 8 hóa đơn GTGT. H5 thu 3.415.000 đồng.

- Dương Văn H3 (sinh năm 1989, trú tại khu E, xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ) 2 hóa đơn GTGT, H5 thu 2.000.000đ.

Như vậy, B xuất bán là 34 hóa đơn GTGT và mua trên mạng để bán 01 hoá đơn để bán, thu 17.688.000 đồng; H5 lấy của B 19 hoá đơn và mua trên mạng 01 hoá đơn bán thu 16.385.000 đồng.

Đối với 01 hóa đơn B mua trên mạng xã hội được xuất bởi công ty Đ1, sau đó Bình bán cho Trần Thị Huyền L1 thu 78.000 đồng, sau khi mua, L1 đã thống nhất với B là hủy bỏ do không có nhu cầu sử dụng nữa, L1 không lấy lại số tiền đã mua hoá đơn. Quá trình điều tra, xác minh tại Chi cục thuế không có dữ liệu hóa đơn này, Cơ quan CSĐT xác định không đủ cơ sở để quy kết B đã bán 01 hóa đơn đã mua trên mạng này.

Quá trình điều tra, bị cáo Vũ Thanh B và Vũ Thị Thanh H1 khai nhận đã thực hiện hành vi mua bán hóa đơn khống (không có hàng hóa) như đã nêu trên. Ngoài ra, B còn khai nhận đã bán và xuất hóa đơn cho nhiều người khác nhưng B không nhớ hết nên không biết những người đã mua còn lại này là ai, ở đâu. B chỉ nhớ và khai: trong thời gian bán hóa đơn, B đã được các khách hàng trích trả trung bình 1% trên tổng số lượng tiền hàng ghi trên hóa đơn. Đối với 19 hoá đơn B xuất cho H1 bán, do H1 là chị gái ruột của B nên B xuất hoá đơn giúp H1 mà không yêu cầu H1 trả tiền từ việc H1 bán hoá đơn.

Quá trình điều tra, các chi cục thuế thuộc Thành Phố Hà Nội cung cấp dữ liệu về thuế của 8 công ty do bị cáo B thành lập. Theo đó, từ thời điểm được cấp phép hoạt động cho đến khi được Cơ quan CSĐT đề nghị cung cấp, 8 công ty là AS, Anh T2, An Thành V1, M, T, Lá C, Hải L3 và Hương S2 đã xuất ra 1.515 hóa đơn với lượng tiền ghi hoá đơn là 14.582.132.894 đồng. Theo bị cáo B khai thì đây là lượng hóa đơn không mà B đã xuất bán cho khách hàng, hàng hóa, dịch vụ và tiền ghi trên các hóa đơn này là không có thật Tuy nhiên, do đã bán cho nhiều người, trong thời gian dài nên B không nhớ đã bán cho bao nhiêu người, là những người nào, ở đâu, bao giờ. B chỉ nhớ chính xác đã bán và xuất bán 34 hóa đơn gồm bán trực tiếp 15 hóa đơn, xuất để H1 bán 19 hóa đơn, số hoá đơn này đã được điều tra, làm rõ. Còn lại là 1.481 hoá đơn, Cơ quan CSĐT tách ra, tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào có cơ sở sẽ xử lý sau.

Đối với 1.481 hoá đơn chưa được làm rõ nói trên, B khai thu lợi 1% trên số tiền ghi trên hoá đơn là 14.207.048.875 đồng, như vậy B đã thu lời bất chính số tiền là 142.070.488 đồng, cùng với số tiền thu của 15 hoá đơn Bình bán đã được làm rõ, xác định bị can B đã thu lời bất chính số tiền là 159.720.488 đồng (17.650.000 đồng + 142.070.488 đồng). H1 tự mua, tự bán 1 hóa đơn thu lời 200.000 đồng, lấy từ Bình 19 hoá đơn bán thu được 16.185.000 đồng, tổng cộng H1 thu lời bất chính số tiền 16.385.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT-VKS ngày 17/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ đã truy tố bị cáo Vũ Thanh B về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Vũ Thị Thanh H1 về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Thanh B, Vũ Thị Thanh H1 phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Vũ Thanh B từ 250.000.000đ đến 280.000.000đ

- Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i,s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Vũ Thị Thanh H1 từ 80.000.000đ đến 100.000.000đ

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu bán phát mại sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 13 promax màu xanh , IMEI: 358538325196068, IMEI 2: 358538325114673, MEID: 35853832519606 của bị cáo H1 (Tình trạng máy đã cũ, nguyên vẹn).

Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim có seri sim 8984048000057822579 đã cũ, 01 sim số seri 8984048000383564947 của bị cáo H1, 01 sim có số seri 8984048000919153980 của bị cáo B. Tịch thu tiêu hủy 01 thùng bìa catton được niêm phong do không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho bị cáo H1 01 thẻ ngân hàng T5 số thẻ 4221498661755448 đã cũ.

Trả lại cho bị cáo B 01 điện thoại Iphone 13 Promax màu ghi , IMEI 1: 353510600435649, IMEI 2: 353510600340096, MEID: 35351060043564 (Tình trạng máy đã cũ, nguyên vẹn) nhưng tạm giữ chiếc điện thoại này để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho Cù Đức D 01 điện thoại OPPO màu xanh đã cũ, kiểu máy CPH2471, IMEI 1: 865947069479679, IMEI 2: 865947069479661 gắn 01 sim số 0865815028, số seri sim: 8984048000920546760.

Xác nhận ngày 24/12/2023, CQCSĐT đã trả lại cho bị cáo H1 01 căn cước công dân mang tên Vũ Thị Thanh H1.

Truy thu của bị cáo B số tiền 159.720.488đ (Một trăm năm mươi chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng) để sung Ngân sách Nhà nước. Xác nhận ngày 15/4/2024 bị cáo B đã nộp khắc phục số tiền 30.000.000đ theo biên lai số 0002617 và ngày 06/5/2024 bị cáo B đã nộp khắc phục số tiền 20.000.000đ theo biên lai số 0002619 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. Tổng số tiền bị cáo B đã nộp lại là 50.000.000đ. Do vậy, bị cáo B còn phải nộp số tiền là 109.720.488đ

Truy thu của bị cáo H1 số tiền 16.385.000 (Mười sáu triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng) để sung Ngân sách Nhà nước. Xác nhận, ngày 06/5/2024 bị cáo H1 đã nộp khắc phục số tiền 8.000.000đ theo biên lai số 0002620 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. Do vậy, bị cáo H1 còn phải nộp số tiền là 8.385.000đ

- Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận gì, thừa nhận và ăn năn hối hận với hành vi phạm tội của bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về căn cứ buộc tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người liên quan, vật chứng thu giữ được và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nên có đủ cơ sở để kết luận:

Từ tháng 7/2022 đến tháng 3/2023, Vũ Thanh B đã mạo danh 04 người, dùng Căn cước công dân của 04 người này, thông qua dịch vụ thành lập công ty, đứng tên thành lập 8 công ty trách nhiệm hữu hạnĐ1, xuất bán 34 hóa đơn GTGT không, sau đó B trực tiếp bán 15 hoá đơn thu 17.688.000 đồng. B xuất cho chị gái mình là Vũ Thị Thanh H1 19 hoá đơn. H1 nhận 19 hoá đơn của B và mua 01 hoá đơn trên mạng xã hội, bán tổng số 20 hoá đơn thu 16.385.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định 8 Công ty do B thành lập đã xuất ra 1.515 hóa đơn với lượng tiền ghi hoá đơn là 14.582.132.894 đồng, tuy nhiên, chỉ làm rõ được Bình bán trực tiếp 15 hóa đơn, B xuất để H1 bán 19 hóa đơn như trên.

Còn lại 1.481 hoá đơn (chưa được làm rõ người mua, người sử dụng), B thu lợi 1% trên số tiền ghi trên hoá đơn là 14.207.048.875 đồng, như vậy B đã thu lời bất chính số tiền là 142.070.488 đồng, cộng với 15 hoá đơn B trực tiếp bán, xác định bị can B đã thu lời bất chính trên 1.496 hoá đơn (1.515 hoá đơn - 19 hoá đơn) là 159.720.488 đồng (17.650.000 đồng + 142.070.488 đồng). H1 tự mua và tự bán 01 hóa đơn và thu lời 200.000 đồng, lấy từ Bình 19 hoá đơn bán thu được 16.185.000 đồng, tổng cộng H1 thu lời bất chính trên 20 hoá đơn số tiền 16.385.000 đồng.

Như vậy, B phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trực tiếp bán 15 hoá đơn và là đồng phạm của H1 trong việc tiếp nhận thông tin do H1 cung cấp, sau đó xuất cho H1 bán 19 hoá đơn, tổng cộng B phải chịu trách nhiệm hình sự là 34 hoá đơn. H1 phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi bán 20 hoá đơn.

Hành vi nêu trên của Vũ Thanh B đã phạm tội "*Mua bán trái phép hoá đơn*", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm d, đ Khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của Vũ Thị Thanh H1 đã phạm tội "*Mua bán trái phép hoá đơn*", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Điều 203 Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà Nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc **hóa đơn**, chứng từ **đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số** hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

*d) Hóa đơn, chứng từ ở dạng phôi từ 100 số trở lên hoặc **hóa đơn**, chứng từ **đã ghi nội dung từ 30 số trở lên**;*

*đ) **T4 lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên**;*”

Do vậy có đủ cơ sở để kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội do bị cáo B gây ra thuộc trường hợp nghiêm trọng, bị cáo H1 thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hóa đơn, chứng từ và hoạt động quản lý thu chi Ngân sách nhà nước. Hai bị cáo đều còn trẻ, đủ tuổi và đủ năng lực trách nhiệm hình sự, không thuộc trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, nhận biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn thu lợi bất chính, muốn kiếm tiền nhanh chóng, bất hợp pháp vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, cần có một hình phạt

ng nghiêm để răn đe và phòng ngừa chung

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, B và H1 không có sự bàn bạc từ trước, chỉ khi biết Bình bán, H1 đã chủ động đề nghị B cho bán và được B đồng ý và xuất hóa đơn để H1 bán, như vậy B đã giúp sức để H1 thực hiện tội phạm, do đó hành vi phạm tội của các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ mà chỉ có tính chất đồng phạm giản đơn, vì vậy không xác định các bị cáo phạm tội có tổ chức. Cả hai bị cáo bán hoá đơn, tiền thu được đều sử dụng cá nhân hết, hàng ngày các bị cáo vẫn làm công việc khác để sinh sống, không sử dụng tiền bán hoá đơn để dùng làm nguồn sống chính, mặt khác, mỗi lần bán hoá đơn của các bị cáo đều dưới 10 số và số tiền thu lời bất chính đều dưới 30.000.000 đồng, vì vậy, không xác định các bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội nhiều lần.

[4]. Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H1 là người có nhân thân tốt. Bị cáo B có nhân thân xấu do có 1 tiền sự: ngày 18/5/2023, B bị Công an huyện T, Thành Phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *Cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân*. Hình thức phạt tiền, mức phạt 7.500.000 đồng

[5]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Vũ Thanh B và Vũ Thị Thanh H6 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều Bộ luật hình sự. Ngoài ra, do lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo H1 còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo chưa giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, các bị cáo đã nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính cho Nhà nước. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo nên cần xử phạt hai bị cáo hình phạt tiền trong khung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6]. Theo quy định tại khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự thì các bị cáo còn có thể bị phạt một khoản tiền, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Xét thấy các bị cáo đều là lao động tự do, đã bị xử phạt hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 13 promax màu xanh, IMEI: 358538325196068, IMEI 2: 358538325114673, MEID: 35853832519606 của bị cáo H1 (Tình trạng máy đã cũ, nguyên vẹn) dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu bán phát mại sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 thẻ sim có seri sim 8984048000057822579, 01 sim số seri 8984048000383564947 của bị cáo H1, 01 sim có số seri 8984048000919153980 của bị cáo B đều dùng vào hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 thùng bì catton chứa các hoá đơn, chứng từ của bị cáo B, do tại phiên toà bị cáo không xin lại nên tịch thu tiêu hủy do không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho bị cáo H1 01 thẻ ngân hàng T5 số thẻ 4221498661755448 đã cũ do không liên quan đến hành vi phạm tội;

Đối với 01 điện thoại OPPO màu xanh đã cũ, kiểu máy CPH2471, IMEI 1: 865947069479679, IMEI 2: 865947069479661 gắn 01 sim số 0865815028, số seri sim: 8984048000920546760 thu giữ của Cù Đức D không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại.

Đối với 01 điện thoại Iphone 13 Promax màu ghi, IMEI 1: 353510600435649, IMEI 2: 353510600340096, MEID: 35351060043564 (Tình trạng máy đã cũ, nguyên vẹn) do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo B nên sẽ trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Ngày 24/12/2023, CQ điều tra đã trả lại cho bị cáo H1 01 căn cước công dân mang tên Vũ Thị Thanh H1 là đúng quy định của pháp luật, cần xác nhận.

Bị cáo B đã thu lời bất chính số tiền 159.720.488 đồng, H1 thu lời bất chính số tiền 16.385.000 đồng cần truy thu sung Ngân sách Nhà nước. Trừ cho các bị cáo số tiền đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả. Số tiền còn lại cần buộc các bị cáo phải nộp lại cho Nhà nước.

[7]. Quá trình điều tra, các chi cục thuế thuộc Thành Phố Hà Nội cung cấp dữ liệu về thuế của 8 công ty do bị cáo Vũ Thanh B thành lập. Theo đó, từ thời điểm được cấp phép hoạt động cho đến khi được Cơ quan CSĐT đề nghị cung cấp, 8 công ty là AS, Anh T2, An Thành V1, M, T, Lá C, Hải L3 và Hương S2 đã xuất ra 1.515 hóa đơn với lượng tiền ghi hoá đơn là 14.582.132.894 đồng. Theo bị cáo B khai thì đây là lượng hóa đơn không mà B đã xuất bán cho khách hàng, hàng hóa, dịch vụ và tiền ghi trên các hóa đơn này là không có thật. Tuy nhiên, do đã bán cho nhiều người, trong thời gian dài nên B không nhớ đã bán cho bao nhiêu người, là những người nào, ở đâu, bao giờ. B chỉ nhớ chính xác đã bán và xuất bán 34 hóa đơn gồm bán trực tiếp 15 hóa đơn, xuất để H1 bán 19 hóa đơn, số hoá đơn này đã được điều tra, làm rõ. Còn lại là 1.481 hoá đơn, Cơ quan CSĐT tách ra, tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào có cơ sở sẽ xử lý sau.

[8]. Đối với 02 tài khoản Facebook đã bán hóa đơn không cho H1 và B, H1 và B không xác định được chủ các tài khoản này là ai. Quá trình điều tra đã xác định được 2 doanh nghiệp đã xuất 2 hóa đơn không là Công ty TNHH Đ1 (Công ty Đ1) và Công ty TNHH Đ1 (Công ty Đ1). Cơ quan CSĐT đã triệu tập nhiều lần nhưng đại diện của các công ty này không đến làm việc, xác minh tại địa chỉ trụ sở 02 công ty trên theo đăng ký kinh doanh không thấy có 02 Công ty trên

hoạt động. Vì vậy, Cơ quan CSĐT tách hành vi của 02 Công ty trên ra, tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào có cơ sở sẽ xử lý sau.

[9]. Đối với những người đã mua hóa đơn của B và H1 là Trần Thị Huyền Linh, Lê Phương T3, Sâm Vũ N, Phan Thị H5, Lê Văn H4, Dương Văn H3, Cù Đức D, Nguyễn Hải Đ. Trong đó: L1, T3, N, H4 là những người đã mua hóa đơn GTGT không để kê khai đầu vào của doanh nghiệp, sau đó bán lại cho người khác. Tuy nhiên, số lượng hóa đơn GTGT mà những người này mua để sử dụng, bán cho người khác, mỗi người đều dưới 10 số và thu lời dưới 30 triệu đồng. Đối với D, H3, Đ, Phan H5 đã mua hóa đơn không của H5 và B nhưng sau khi mua, đã không sử dụng các hóa đơn không này, vì vậy, Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý hình sự đối với những người này.

[10]. Đối với Phạm Thị H2, Phạm Thị Huyền T1 là hai người được bị cáo B thuê thành lập 8 công ty, tuy nhiên, khi nhận làm thuê cho B, những người này không biết B dùng các giấy phép kinh doanh này để nhằm mục đích xuất, bán hóa đơn không. Vì vậy, Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý hình sự đối với H2 và T1.

[11]. Đối với Lê Văn H4, Nguyễn Đăng L, Phương Quốc V, Nguyễn Anh T2, là những người mà B đã dùng Căn cước công dân để thành lập các công ty và thực hiện hành vi tội phạm. Tuy nhiên, những người này đều không biết B đã dùng Căn cước công dân của mình để thực hiện tội phạm. Vì vậy, Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý hình sự đối với những người này.

[12]. Đối với 11 doanh nghiệp mà H5 và B đã bán hóa đơn không gồm: Công ty Y, Công ty K1, Công ty Cổ phần L5, Công ty Cổ phần T7, Công ty Cổ phần T8, Công ty Cổ phần P, Công ty Cổ phần P1, Công ty cổ phần S4, Công ty Cổ phần T9, Công ty Cổ phần G, Công đoàn Công ty TNHH Đ1.

Trong số các doanh nghiệp trên, có 03 doanh nghiệp là C1, C2 và C3 thuộc danh sách các bị cáo đã xuất bán hóa đơn. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định các doanh nghiệp này không mua và không sử dụng các hóa đơn nào của B và H5. Vì vậy, Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý 03 doanh nghiệp này. Còn lại 8 doanh nghiệp, quá trình điều tra xác định 8 doanh nghiệp này có sử dụng hóa đơn do các bị cáo bán ra, nhưng không trực tiếp mua của H5 và B, mà các doanh nghiệp này có sử dụng dịch vụ, mua hàng của các doanh nghiệp, cá nhân khác và được họ cung cấp các hóa đơn trên. Các hóa đơn này đều đã ghi đúng, đủ các dịch vụ, hàng hóa và có thật. Khi quyết toán, các doanh nghiệp này đã thực hiện đúng theo quy định về tài chính kế toán mà không biết các hóa đơn GTGT là bất hợp pháp. Mặt khác, khi phát hiện dấu hiệu rủi ro về thuế, 8 doanh nghiệp này đã chủ động kê khai điều chỉnh, loại bỏ những hóa đơn GTGT này, không gây thất thu ngân sách Nhà Nước. Vì vậy, Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý đối với 08 doanh nghiệp này.

[13]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với Vũ Thanh B; khoản 1 Điều 203, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với Vũ Thị Thanh H1; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Xử:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Vũ Thanh B, Vũ Thị Thanh H1 phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Vũ Thanh B số tiền 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) vào Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Vũ Thị Thanh H1 số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu bán phát mại sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 13 promax màu xanh , IMEI: 358538325196068, IMEI 2: 358538325114673, MEID: 35853832519606 của bị cáo H1 (Tình trạng máy đã cũ, nguyên vẹn).

Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim có seri sim 8984048000057822579 đã cũ, 01 sim số seri 8984048000383564947 của bị cáo H1, 01 sim có số seri 8984048000919153980 của bị cáo B.

Tịch thu tiêu hủy 01 thùng bìa catton được niêm phong do không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho bị cáo H1 01 thẻ ngân hàng T5 số thẻ 4221498661755448 đã cũ.

Trả lại cho bị cáo B 01 điện thoại Iphone 13 Promax màu ghi , IMEI 1: 353510600435649, IMEI 2: 353510600340096, MEID: 35351060043564 (Tình trạng máy đã cũ, nguyên vẹn) nhưng tạm giữ chiếc điện thoại này để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho Cù Đức D 01 điện thoại OPPO màu xanh đã cũ, kiểu máy CPH2471, IMEI 1: 865947069479679, IMEI 2: 865947069479661 gắn 01 sim số 0865815028, số seri sim: 8984048000920546760

(Tài sản trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa đang quản lý, có đặc điểm như mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/01/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa).

Xác nhận ngày 24/12/2023, CQCSĐT đã trả lại cho bị cáo H1 01 căn cước công dân mang tên Vũ Thị Thanh H1

Xác nhận ngày 15/4/2024 bị cáo B đã nộp khắc phục số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) theo biên lai số 0002617 và ngày 06/5/2024 bị cáo B đã

nộp khắc phục số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) theo biên lai số 0002619 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa.

Xác nhận, ngày 06/5/2024 bị cáo H1 đã nộp khắc phục số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) theo biên lai số 0002620 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa

Truy thu của bị cáo B số tiền 109.720.488đ (Một trăm linh chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng), của bị cáo H1 số tiền 8.385.000 (Tám triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng) để sung Ngân sách Nhà nước

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo; NLQ
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện Hạ Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND xã Thanh Cao, thị trấn Vân Đình;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mai Linh